

Số: 85/2020/CV

Nam Định, ngày 24 tháng 08 năm 2020

V/v: Giải trình về thiếu sót trong  
việc in ấn báo cáo tài chính

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định xin gửi đến Quý Ủy ban lời chào trân trọng!

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (“Công ty”, “chúng tôi”) đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Tuy nhiên, trong công tác in báo cáo có xảy ra thiếu sót, dẫn tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp bị ẩn chi tiêu “Các khoản dự phòng” trong Mục 2 của Phần I, với giá trị 1.657.174.776 VND, các chỉ tiêu còn lại đều được phản ánh chính xác. Cụ thể như sau:

**Số liệu đã công bố:**

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.725.740.208	10.807.440.448
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	35.926.767.959	37.629.236.168
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(389.791.169)	(21.842.768)
- Chi phí lãi vay	06	3.392.292.086	2.613.516.156
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.312.183.860	51.028.350.004
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	25.386.418	18.015.887.206
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.671.972.537)	(2.900.878.087)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.416.909.870)	(2.325.113.706)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.182.657.010	1.590.320.697
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.392.292.086)	(2.434.221.939)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(736.153.206)	(1.500.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.350.600.050)	(5.962.227.927)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>44.952.299.539</b>	<b>55.512.116.248</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.561.012.138)	(55.812.560.414)
2. Tiền chi cho vay	23	(5.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay	24	15.000.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	389.791.169	21.842.768
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.828.779.031</b>	<b>(55.790.717.646)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(186.850.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	23.306.898.220
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.676.450.009)	(14.510.693.996)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(15.426.246.580)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.676.450.009)</b>	<b>(6.816.892.356)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>42.104.628.561</b>	<b>(7.095.493.754)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>41.989.251.217</b>	<b>32.718.188.918</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>84.093.879.778</b>	<b>25.622.695.164</b>



**Số liệu sau khi đã sửa lỗi:**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</b>	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>15.725.740.208</b>	<b>10.807.440.448</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	35.926.767.959	37.629.236.168
- Các khoản dự phòng	03	1.657.174.776	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(389.791.169)	(21.842.768)
- Chi phí lãi vay	06	3.392.292.086	2.613.516.156
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>56.312.183.860</b>	<b>51.028.350.004</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	25.386.418	18.015.887.206
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.671.972.537)	(2.900.878.087)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.416.909.870)	(2.325.113.706)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.182.657.010	1.590.320.697
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.392.292.086)	(2.434.221.939)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(736.153.206)	(1.500.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.350.600.050)	(5.962.227.927)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>44.952.299.539</b>	<b>55.512.116.248</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.561.012.138)	(55.812.560.414)
2. Tiền chi cho vay	23	(5.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay	24	15.000.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	389.791.169	21.842.768
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.828.779.031</b>	<b>(55.790.717.646)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(186.850.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	23.306.898.229
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.676.450.009)	(14.510.693.996)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(15.426.246.580)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.676.450.009)</b>	<b>(6.816.892.356)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>42.104.628.561</b>	<b>(7.095.493.754)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>41.989.251.217</b>	<b>32.718.188.918</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>84.093.879.778</b>	<b>25.622.695.164</b>

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định, kính gửi quý cơ quan xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT



**NGUYỄN SỸ LONG**